| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**THÀNH PHỐ H**<br>**----------**<br>Số: 41/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày 17/10/2019<br>*V/v: Ly hôn giữa chị Hà với anh Tùng* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**---------o0o--------** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Trung Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Đỗ Thị Kim Vân

2. Ông Nguyễn Hiếu Luân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2019 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1994 (Có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn G, xã N, huyện T, Thành phố H.

Hiện trú tại: Tổ 1, thôn V, xã V, huyện V, tỉnh H.

**Bị đơn**: Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú và và trú tại: Thôn G, xã N, huyện T, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 26 tháng 4 năm 2017, chị Trần Thị Thu H và anh Trần Mạnh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, TP. H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H và anh T sống cùng với bố mẹ anh T tại thôn G, xã N, huyện T, Thành phố H. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do sự cư xử không đúng mực của anh T đối với chị H dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi nhau. Chị H và anh T đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 2/2019. Do chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Mạnh T có một con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 17/01/2018. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và chị H không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Trần Mạnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Mạnh T và chị Trần Thị Thu H đăng ký kết hôn ngày 26/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, TP. H. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 17/5/2017. Kể từ sau khi kết hôn đến nay, anh T thừa nhận giữa anh và chị H có mâu thuẫn, cãi nhau, đánh nhau nhưng không thường xuyên và mâu thuẫn phát sinh cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Do anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị H chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Trần Mạnh T và chị Trần Thị Thu H có một con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 17/01/2018. Nếu phải ly hôn, anh T đồng ý và đề nghị chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ do cháu còn nhỏ.

Về tài sản của vợ chồng: Anh Trần Mạnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh,Ủy ban nhân dân xã N cung cấp: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Mạnh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, H vào ngày 26/4/2017. Sau khi kết hôn, chị H và anh T sống tại thôn G, xã N, huyện T, H. Do mâu thuẫn trong quá trình sống chung dẫn đến hai bên có cãi nhau, đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không tự hòa giải được nên chị H và anh T đã sống ly thân một thời gian. Nay, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên đã nộp đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện T và không qua thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã N. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã N là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Trần Mạnh T; Về con chung: Giao cháu Trần Minh Đ, 17/01/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có quyền thăm hỏi con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

**1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:**

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Trần Thị Thu H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn với anh Trần Mạnh T, sinh năm 1990, có địa chỉ tại thôn G, xã N, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

**2] Về tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**3] Về nội dung vụ án**:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**3.1] Về quan hệ vợ chồng**: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Mạnh T đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Thành phố H. Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự bất đồng trong quan điểm sống giữa hai vợ chồng. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 2/2019. Tòa án tiến hành hòa giải để chị H và anh T đoàn tụ nhưng không thành do chị H cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Mạnh T căng thẳng từ lâu, cả hai đã sống ly thân, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý ly hôn với chị H do con còn nhỏ

cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Tuy nhiên, anh T đã thừa nhận kể từ khi chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến nay, anh T chưa lên thăm con lần nào và cũng không lên đón mẹ con chị H về. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh được đoàn tụ song anh lại vắng mặt tại buổi hòa giải lần thứ nhất, tại buổi hòa giải lần thứ hai anh T có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Trong khi đó, chị H cương quyết xin ly hôn và không đồng ý đoàn tụ. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T đã trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị H được ly hôn anh T là đúng pháp luật.

**3.2] Về con chung**: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Mạnh T có một con chung là cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 17/01/2018. Khi ly hôn, chị H và anh T thỏa thuận, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Đ nên giao cháu Trần Minh Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác là đúng với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung**: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Mạnh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Trần Mạnh T đối với cháu Trần Minh Đ cho đến khi cháu Trần Minh Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

**3.4] Về tài sản vợ chồng**: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Mạnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**3.5] Về án phí**: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

**3.6] Về quyền kháng cáo bản án**: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Mạnh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Mạnh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn của anh Trần Mạnh T đối với cháu Trần Minh Đ cho đến khi có thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh Trần Mạnh T được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Mạnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0012020 ngày 14/8/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

**<u>Nơi nhận</u>:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trung Hòa**